

Bản án số 95/2018/DS-ST
Ngày 01/4/2019
V/v “Tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lại Thị Bình Minh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Lưu Ly.

Bà Vũ Thị Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Nguyễn Thị Dịu Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6 Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 294/2018/TLST-DS ngày 22 tháng về việc: “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP SGTT.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Trường T, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Lầu 8 số 266-268 đường NKKN, Phường H, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị Ngọc T, sinh năm: 1977.

Địa chỉ: 985 đường HG, Phường K, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP SGTT có đại diện ủy quyền là ông Phạm Trường T trình bày:

Ngày 02/4/2010 Ngân hàng TMCP SGTT ký kết với bà Trần Thị Ngọc T hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Theo đó, Ngân hàng TMCP SGTT đã đồng ý cấp cho bà Trần Thị Ngọc T thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng là 10.000.000 đồng, mục đích là tiêu dùng cá nhân, lãi suất trong hạn là 2,15%/tháng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng bà T đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 9.000.000 đồng.

Quá trình sử dụng, kể từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà Trần Thị Ngọc T đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP SGTT số tiền 8.925.941 đồng (thứ tự thanh toán như trong Điều 20 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP SGTT). Nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà Trần Thị Ngọc T vẫn

không có thiện chí trả nợ nên Ngân hàng TMCP SGTT đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày mở phiên tòa (ngày 01/4/2019) bà Trần Thị Ngọc T còn nợ Ngân hàng TMCP SGTT các khoản sau: Nợ gốc: 4.758.155 đồng; Lãi quá hạn: 13.160.895 đồng. Tổng cộng: 17.919.050 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP SGTT có đại diện ủy quyền là ông Phạm Trường T có bản khai với nội dung vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn Bà Trần Thị Ngọc T phải trả cho Ngân hàng TMCP SGTT một lần ngay sau khi án có hiệu lực toàn bộ số tiền 17.919.050 đồng bao gồm: Nợ gốc: 4.758.155 đồng; Lãi quá hạn: 13.160.895 đồng. Ngoài ra, bà Trần Thị Ngọc T còn phải thanh toán các khoản lãi phát sinh sau ngày 01/4/2019 cho đến khi thanh toán dứt điểm toàn bộ các khoản tiền trên cho Ngân hàng TMCP SGTT theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng. Ông Phạm Trường T đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bị đơn bà Trần Thị Ngọc T mặc dù đã được Tòa án tiến hành niêm yết quyết định xét xử hai lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán là đúng thủ tục tố tụng. Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng được thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ vào đơn khởi kiện và nội dung yêu cầu của Ngân hàng TMCP SGTT, Hội đồng xét xử nhận định vụ án có quan hệ tranh chấp là: “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”. Bị đơn bà Trần Thị Ngọc T có nơi cư trú tại 985 đường HG, Phường K, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn Bà Trần Thị Ngọc T đã được Tòa án niêm yết hợp lệ để đến Tòa án làm bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng đều vắng mặt không có lý do chính đáng, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 02/4/2010; bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP SGTT có hiệu lực ngày 01/01/2009 và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP SGTT có hiệu lực ngày 01/6/2010; Thông báo về việc thay đổi lãi suất và phí phát hành nhanh của thẻ tín dụng Quốc tế Sacombank số 113/TB-TTT ngày 04/7/2011 thì ngày 02/4/2010 Ngân hàng TMCP SGTT đã cấp cho

Bà Trần Thị Ngọc T thẻ tín dụng có hạn mức 10.000.000 đồng. Mục đích vay tiêu dùng, lãi suất trong hạn là 2,15%/tháng, lãi suất quá hạn là 3,225%/tháng (bằng 150% lãi suất trong hạn).

Căn cứ vào phần trình bày của nguyên đơn cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã cho thấy sau khi được cấp thẻ tín dụng thì bà Trần Thị Ngọc T đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 9.000.000 đồng. Bà Thẩm đã thanh toán cho ngân hàng số tiền 8.925.941 đồng. Căn cứ vào Điều 20 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP SGTT thì bà Trần Thị Ngọc T còn nợ lại Ngân hàng TMCP SGTT số tiền 17.919.050 đồng bao gồm: Nợ gốc: 4.758.155 đồng; Lãi quá hạn: 13.160.895 đồng.

Nay Ngân hàng TMCP SGTT yêu cầu Bà Trần Thị Ngọc T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP SGTT số tiền 17.919.050 đồng một lần ngày khi án có hiệu lực. Ngoài ra, bà Trần Thị Ngọc T còn phải tiếp tục thanh toán các khoản lãi phát sinh sau ngày 01/4/2019 cho đến khi thanh toán dứt điểm toàn bộ các khoản tiền trên cho Ngân hàng TMCP SGTT theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 895.953 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 463, Điều 464, Điều 468 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Áp dụng Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP SGTT.

Buộc Bà Trần Thị Ngọc T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP SGTT số tiền còn nợ là 17.919.050 đồng (mười bảy triệu chín trăm mười chín nghìn không trăm năm mươi đồng) gồm: Nợ gốc: 4.758.155 đồng (Bốn triệu bảy trăm năm mươi tám ngàn một trăm năm mươi lăm đồng); Lãi quá hạn: 13.160.895 đồng (mười ba triệu một trăm sáu mươi nghìn tám trăm chín mươi lăm đồng). Thực hiện một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thoả thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật, nếu không có thoả thuận về mặt lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Bà Trần Thị Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 895.953 đồng (Tám trăm chín mươi lăm nghìn chín trăm năm mươi ba đồng).

Trả lại cho Ngân hàng TMCP SGTT số tiền tạm ứng án phí là 300000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0029251 ngày 22/05/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 của Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ. Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.6;
- Chi cục THADS Q.6;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Thị Bình Minh